



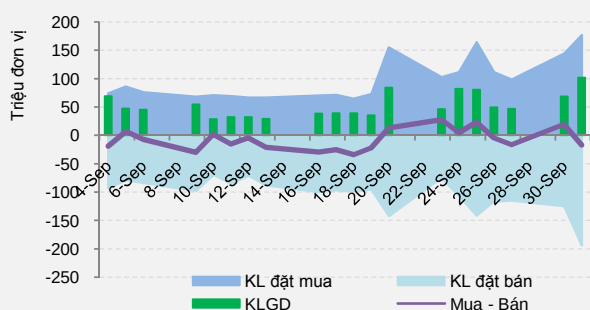
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 1/10/2013

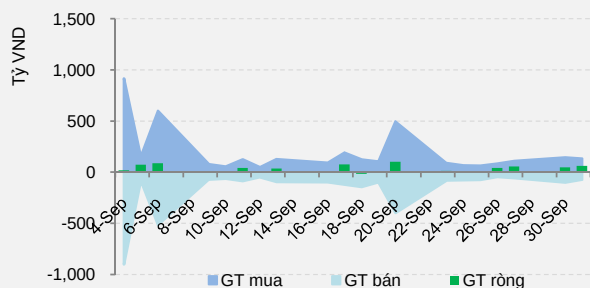
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	492.2	60.9
% Thay đổi	↓ -0.1%	↓ 0.0%
KLGD (CP)	102,077,920	45,426,789
GTGD (tỷ đồng)	1,655.25	363.68
Tổng cung (CP)	193,653,410	70,689,500
Tổng cầu (CP)	176,942,830	56,467,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	2,450,490	186,228
KL mua (CP)	4,113,050	7,368,900
GTmua (tỷ đồng)	134.36	61.00
GT bán (tỷ đồng)	71.86	2.66
GT ròng (tỷ đồng)	62.50	58.34

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.23%	7.3	1.5	1.3%
Công nghiệp	↓ -0.30%	70.2	1.0	18.5%
Dầu khí	↓ -0.92%	7.3	1.5	2.0%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.05%	13.3	1.8	1.7%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.60%	8.6	2.9	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.81%	14.5	4.9	20.1%
Ngân hàng	↑ 1.52%	6.9	1.3	6.9%
Nguyên vật liệu	↓ -0.33%	9.0	2.0	11.6%
Tài chính	↑ 0.17%	16.0	2.4	23.1%
Tiền tệ Cộng đồng	↓ -0.60%	9.5	3.5	14.0%
VN - Index	↓ -0.08%	12.9	2.9	82.0%
HNX - Index	↓ -0.03%	27.1	1.5	18.0%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,167,360	1.1%	1,020,990	1.0%
GTGD (triệu VND)	35,086	2.1%	21,058	1.3%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Áp lực cung giá cao đã tăng khá mạnh khi VN-Index tăng qua ngưỡng cản của đường MA50, tương đương khoảng 490 điểm. Thị trường giảm điểm về cuối phiên với thanh khoản tăng đột biến cho tín hiệu về khả năng điều chỉnh kỹ thuật. Thị trường dự báo điều chỉnh trong phiên giao dịch tới. Tuy nhiên với dòng tiền tham gia thị trường tích cực, chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng điểm của thị trường. Ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng của thị trường là khoảng 500-510 điểm.

Chỉ số HNX-Index đã giảm điểm nhẹ khi tiếp cận ngưỡng cản của đường MA200, MA50 ngày và đường biên trên của dải Bollinger Bands, tương đương khoảng 61 điểm, sau 8 phiên tăng điểm liên tiếp. Thị trường giảm điểm về cuối phiên với thanh khoản cao cho thấy áp lực cung đang chiếm ưu thế. Thị trường dự báo tiếp tục điều chỉnh trong phiên giao dịch tới. Tuy nhiên, việc HNX-Index đã bật lên trên EMA9 và một số chỉ báo khác như MACD vẫn cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm ngắn hạn.

Với khả năng thị trường điều chỉnh trong ngắn hạn, nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục và theo dõi diễn biến thị trường trong các phiên sắp tới. Đối với một số cổ phiếu đạt kỳ vọng lợi nhuận có thể xem xét chốt lời.

- VN-Index tăng 6.02 điểm (1.24%), đóng cửa ở mức 492.63 điểm. Đây cũng là mức cao nhất trong phiên của chỉ số này.

- HNX-Index giảm 0.03 điểm (0.05%), xuống 60.93 điểm. Đây là giảm điểm đầu tiên sau 8 phiên tăng điểm liên tiếp của chỉ số này.

- Theo lãnh đạo Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC), hôm nay VAMC đã ký kết mua nợ xấu của Agribank với giá trị 1600 tỷ đồng. Như vậy, VAMC đã chính thức mua lại nợ xấu của các Ngân hàng với mục tiêu xử lý 35 nghìn tỷ đồng nợ xấu trong năm 2013. VAMC dự kiến sẽ mua lại 10 nghìn tỷ đồng nợ xấu trong tháng 10, và các Ngân hàng bán nợ tiếp theo dự kiến là SHB, SCB và NamVietBank.

- PMI tháng 9 của Việt Nam theo HSBC công bố đạt 51.5 điểm, kết quả tốt nhất kể từ tháng 4/2011 - tháng đầu tiên bắt đầu có dữ liệu khảo sát. PMI tăng trên 50 điểm cho thấy sự mở rộng của hoạt động sản xuất sau 4 tháng liên tiếp sụt giảm. Yếu tố góp phần làm tăng PMI trong tháng 9 là số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới và việc làm có mức trường tốt. Kết hợp với các chỉ số kinh tế do Tổng cục Thống kê công bố, nền kinh tế đang cho tín hiệu phục hồi, dù tốc độ còn chậm. Tuy nhiên, xét về giá cả, thống kê của HSBC cho thấy chỉ phí đầu và có giảm nhẹ so với mức cao của tháng 8, trong khi giá cả đầu ra giảm do áp lực cạnh tranh, biên lợi nhuận tiếp tục bị thu hẹp.

- Theo tổ điều hành thị trường trong nước, chỉ số giá tiêu dùng tháng 10 dự báo tăng khoảng 0.5-0.6% so với tháng 9, thấp hơn mức tăng 0.85% đã thiết lập trong tháng 10/2012. Với mức tăng này, CPI tháng 10 so cùng kỳ sẽ tăng khoảng 6%, giảm so với mức 6.3% của tháng 9. Trước đó, trong phiên họp Chính phủ tháng 9, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo chưa lên phương án tăng giá điện, cân nhắc giảm giá xăng dầu trước tình hình căng thẳng Syria có phần dịu xuống. Như vậy áp lực CPI trong năm 2013 dự kiến không lớn, CPI cả năm có thể duy trì ở mức dưới 7%.

- Tập đoàn than - khoáng sản Việt Nam Vinacomin đã phát hành thành công 5000 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 5 năm với lãi suất được đánh giá khá hấp dẫn (lãi suất hai kỳ thanh toán đầu tiên là 11%/năm, biên lãi suất cho các kỳ thanh toán sau đó là 3.3%/năm so với trung bình lãi suất tiết kiệm 12 tháng của 4 ngân hàng quốc doanh lớn). Diễn biến này cho thấy nhu cầu mua vào trái phiếu của các Ngân hàng đang ở mức cao, do thanh khoản dồi dào trong khi tăng trưởng tín dụng chậm cải thiện.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Giảm	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm nhẹ 0.39 điểm (0.08%), đóng cửa ở mức 492.24 điểm.

- KLGD tăng mạnh 49% so với phiên giao dịch trước, đạt 98 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 giảm nhẹ xuống mức 61.28 điểm, tâm lý tích cực tiếp tục duy trì. Đường MACD vẫn đang nổi rộng khoảng cách ở phía trên đường tín hiệu, đã tăng lên trên mức 0, cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Áp lực cung giá cao đã tăng khá mạnh khi VN-Index tăng qua ngưỡng cản của đường MA50, tương đương khoảng 490 điểm. Thị trường giảm điểm về cuối phiên với thanh khoản tăng đột biến cho tín hiệu về khả năng điều chỉnh kỹ thuật. Thị trường dự báo điều chỉnh trong phiên giao dịch tới. Tuy nhiên với dòng tiền tham gia thị trường tích cực, chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng điểm của thị trường. Ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng của thị trường là khoảng 500-510 điểm. Nhà đầu tư có thể tận dụng thời điểm thị trường yếu trong phiên để tăng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, ưu tiên yếu tố cơ bản của cổ phiếu.

HNX-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- HNX-Index giảm 0.03 điểm (0.05%), xuống 60.93 điểm. Đây là giảm điểm đầu tiên sau 8 phiên tăng điểm liên tiếp của chỉ số này.

- KLGD tăng 34% so với phiên trước, đạt 37.5 triệu cổ phiếu.

- Chỉ số RSI14 tăng lên 55.7 điểm, tâm lý thị trường vẫn tích cực.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index đã giảm điểm nhẹ khi tiếp cận ngưỡng cản của đường MA200, MA50 ngày và đường biên trên của dải Bollinger Bands, tương đương khoảng 61 điểm, sau 8 phiên tăng điểm liên tiếp. Thị trường giảm điểm về cuối phiên với thanh khoản cao cho thấy áp lực cung đang chiếm ưu thế. Thị trường dự báo tiếp tục điều chỉnh trong phiên giao dịch tới. Tuy nhiên, việc HNX-Index đã bứt lên trên EMA9 và một số chỉ báo khác như MACD vẫn cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể xem xét nâng dần tỷ trọng cổ phiếu trên sàn HNX khi thị trường điều chỉnh bởi yếu tố thanh khoản của thị trường đã có sự cải thiện.



LỘC CỔ PHIẾU

Dòng tiền đang có xu hướng quan tâm tới nhóm cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt, dự kiến KQKD Q3 khả quan.

Chúng tôi duy trì nhận định nhóm cổ phiếu Bluechips có nền tảng cơ bản tốt vẫn là cơ hội đầu tư đáng quan tâm trong năm 2013. Chúng tôi thống kê Top 10 mã cổ phiếu có KLGD bình quân > 50,000 cổ phiếu/phiên trong 1 tháng gần nhất, theo một số chỉ tiêu tài chính sau:

TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD 6 THÁNG HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN NĂM CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	PPC	355.94	467.1%	1299.95	565.0%	387.6%	15,629	4,489	5.1	1.47	11.97	34.97
2	PVT	85.47	85.0%	129.28	48.2%	331.5%	11,344	461	12.14	0.49	1.32	4.19
3	HAP	20.22	481.0%	21.47	407.6%	159.0%	19,050	394	13.96	0.29	1.47	2.06
4	TLH	13.08	-30.4%	136.72	294.2%	135.1%	12,014	2,506	2.39	0.5	8.59	18.27
5	GLT	1.52	-64.9%	26.25	196.9%	134.8%	16,186	4,838	2.87	0.86	23.05	32.84
6	BTP	22.93	-66.6%	70.05	24.5%	130.2%	15,898	2,333	6.34	0.93	6.8	14.42
7	VND	67.48	127.5%	94.76	57.7%	125.1%	12,005	1,160	7.5	0.72	6.74	10.21
8	PGD	81.44	-71.4%	142.79	-62.7%	110.3%	24,424	(1,605)		1.1	-2.96	-6.77
9	NKG	14.98	672.2%	40.25	1185.9%	107.3%	10,142	(3,516)		0.95	-4.99	-31.78
10	VIP	11.54	-60.2%	123.63	252.7%	104.3%	16,481	2,694	2.71	0.44	7.94	17.88

TOP CỔ PHIẾU CÓ HỆ SỐ P/E THẤP NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	TLH	13.08	-30.4%	136.72	294.2%	135.1%	12,014	2,506	2.39	0.50	8.59	18.27
2	HLA	9.75	-8.4%	10.09	183.7%	29.2%	14,340	2,088	2.59	0.38	3.08	14.97
3	VIP	11.54	-60.2%	123.63	252.7%	104.3%	16,481	2,694	2.71	0.44	7.94	17.88
4	GLT	1.52	-64.9%	26.25	196.9%	134.8%	16,186	4,838	2.87	0.86	23.05	32.84
5	AAA	13.14	23.7%	30.35	17.0%	73.6%	#N/A	#N/A	2.98	0.49	7.01	12.70
6	FCN	36.34	52.8%	63.55	29.1%	53.0%	22,392	5,812	3.32	0.86	8.27	27.60
7	ITD	-3.11	-300.6%	6.56	108.3%	46.9%	17,027	1,111	3.33	0.22	2.10	6.72
8	SD6	11.74	70.9%	19.34	89.6%	46.8%	15,009	2,323	3.53	0.55	3.72	15.34
9	SD9	14.17	-16.9%	18.48	-29.6%	37.9%	18,366	2,270	3.66	0.45	2.96	12.45
10	PGS	45.92	178.0%	97.11	110.7%	53.7%	22,068	5,128	3.72	0.87	6.68	24.01

CỔ PHIẾU CÓ KQKD Q3 CAO NHẤT TRONG NĂM - GIAI ĐOẠN 2010-2012

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	ECI	1.69	-1.2%	2.17	0.93%	57.9%	13,947	2,996	3.5	0.75	13.68	20.58
2	HAD	13.55	25.5%	16.3	25.1%	81.5%	31,683	8,309	4.5	1.17	20.78	26.70
3	HBE	-0.25	-13.6%	-0.28	-3.70%	#DIV/0!	10,726	84	48.8	0.38	0.44	0.77
4	IMP	20.24	-6.0%	40.93	-5.65%	52.0%	43,498	4,559	7.8	0.82	8.88	10.37
5	NIS	0.20	5.3%	0.28	-41.67%	8.2%	10,646	24	354.7	0.80	0.15	0.22
6	PIV	-0.27	12.9%	-0.56	-80.65%	#DIV/0!	8,471	(672)		0.38	(3.77)	(7.68)
7	QST	0.59	-13.2%	0.01	-95.00%	0.3%	10,373	1,748	5.5	0.93	7.61	15.50
8	SGD	2.14	8.1%	2.39	7.17%	53.1%	12,343	2,630	4.4	0.93	11.95	18.60
9	SJD	44.68	17.2%	62.81	23.21%	559.3%	17,855	4,488	3.9	0.99	16.07	24.92
10	STC	3.23	17.9%	4.26	16.71%	42.1%	15,093	2,622	4.5	0.78	10.00	16.05
11	TLG	34.05	19.4%	62.53	5.52%	56.8%	27,199	4,647	8.0	1.36	10.11	17.99
12	TRA	42.39	54.5%	76.36	62.71%	51.9%	38,338	6,692	12.6	2.19	13.84	29.42

Ghi chú: EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

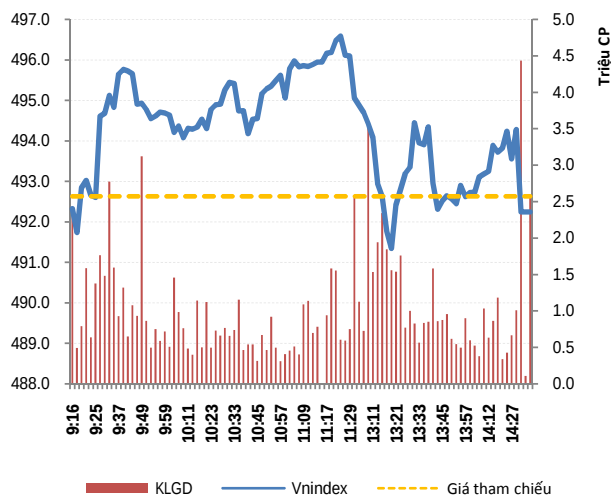
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 01/10/2013.

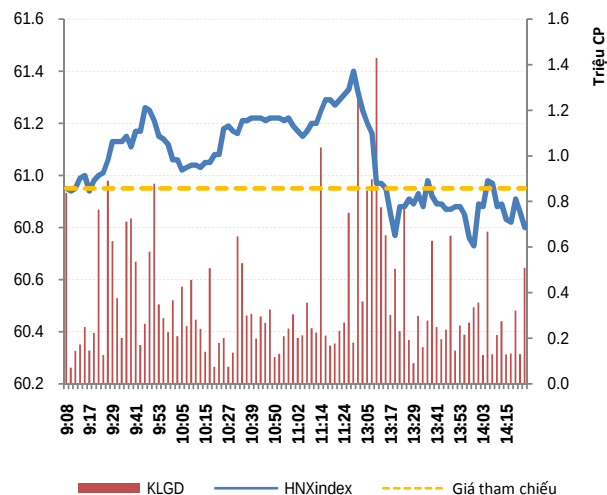


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

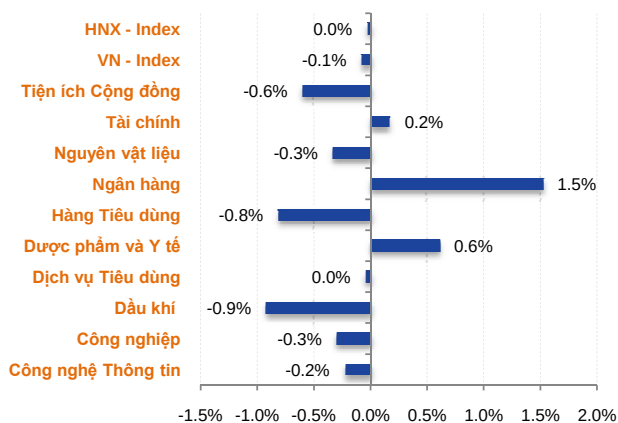
KLGD và VN-Index trong phiên



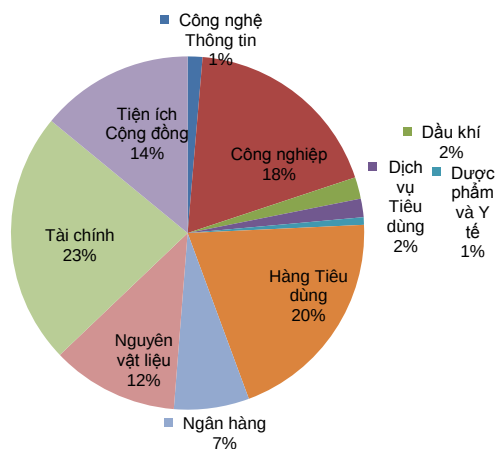
KLGD và HNX-Index trong phiên



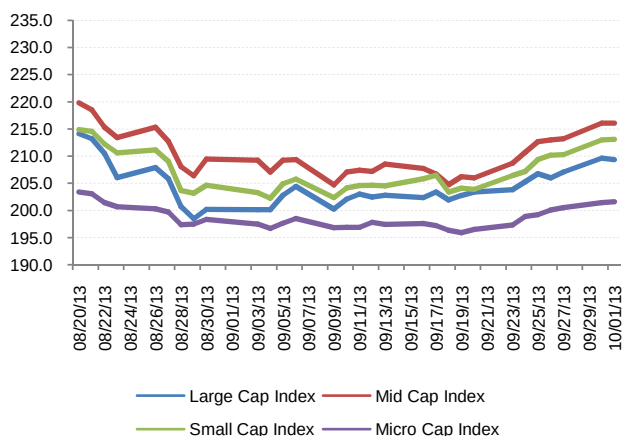
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



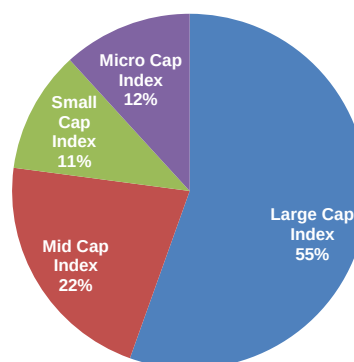
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ

Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ

Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ

Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCB	604,030	SSI	174,700
2	BVH	432,760	SVC	105,060
3	GAS	310,960	PAC	71,750
4	KBC	253,550	ITA	71,500
5	HAG	180,600	CII	68,530

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCS	6,727,300	PVC	55,400
2	VCG	140,200	AAA	20,000
3	DAE	103,000	LIG	10,000
4	SDH	95,000	VNF	10,000
5	PVS	58,200	PVI	3,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	6.1	5.9	↓ -3.28%	6,453,090
IJC	7.2	7.4	↑ 2.78%	5,245,570
PPC	20.4	20.6	↑ 0.98%	4,902,110
PVT	9.0	9.2	↑ 2.22%	4,483,690
TLH	7.0	7.2	↑ 2.86%	4,477,780

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	6.8	6.8	↓ -0.43%	6,814,284
VCS	9.0	8.8	↓ -2.22%	6,728,300
VCG	8.7	8.9	↑ 2.09%	4,581,150
SCR	5.9	5.9	↑ 0.59%	4,365,820
SHS	5.5	5.5	↓ -0.02%	1,849,300

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	0.9	1.0	0.1	↑ 11.11%
NAV	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
TIX	17.5	18.7	1.2	↑ 6.86%
GTA	7.3	7.8	0.5	↑ 6.85%
NKG	8.8	9.4	0.6	↑ 6.82%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GGG	0.6	0.7	0.1	↑ 16.00%
KBT	10.0	11.0	1.0	↑ 10.00%
NIS	11.0	12.1	1.1	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
CTB	14.7	16.1	1.4	↑ 9.52%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LGC	13.0	12.1	-0.9	↓ -6.92%
SFC	19.0	17.7	-1.3	↓ -6.84%
TSC	5.9	5.5	-0.4	↓ -6.78%
VFG	42.5	39.7	-2.8	↓ -6.59%
KAC	7.0	6.6	-0.4	↓ -5.71%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PSG	0.7	0.6	-0.1	↓ -14.29%
CAN	28.0	25.2	-2.8	↓ -10.00%
NPS	14.0	12.6	-1.4	↓ -10.00%
SDE	5.0	4.5	-0.5	↓ -10.00%
VNN	5.1	4.6	-0.5	↓ -9.80%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	6,453,090	0.3%	31	192.8	0.5
IJC	5,245,570	3.6%	390	19.0	0.7
PPC	4,902,110	38.4%	5,411	3.8	1.3
PVT	4,483,690	5.6%	630	14.6	0.8
TLH	4,477,780	16.5%	2,237	3.2	0.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	6,814,284	-2.9%	(335)	-	0.6
VCS	6,728,300	6.7%	1,273	7.1	0.5
VCG	4,581,150	1.3%	150	57.9	0.7
SCR	4,365,820	-3.1%	(450)	-	0.4
SHS	1,849,300	1.8%	139	38.8	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	↑ 11.1%	-1010.2%	(14,249)	-	(0.2)
NAV	↑ 6.9%	2.7%	325	19.1	0.5
TIX	↑ 6.9%	11.9%	2,751	6.8	0.8
GTA	↑ 6.8%	6.5%	1,029	7.6	0.5
NKG	↑ 6.8%	-20.2%	(2,085)	-	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
GGG	↑ 16.0%	-328.5%	(1,953)	-	103.1
KBT	↑ 10.0%	6.5%	771	14.3	1.0
NIS	↑ 10.0%	0.7%	83	146.1	1.1
VE4	↑ 10.0%	12.1%	1,741	4.6	0.6
CTB	↑ 9.5%	15.5%	2,870	5.6	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	604,030	9.9%	1,785	15.5	1.6
BVH	432,760	9.0%	1,607	23.9	2.1
GAS	310,960	41.6%	6,429	10.3	3.9
KBC	253,550	-10.2%	(1,412)	-	0.6
HAG	180,600	5.0%	938	22.4	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCS	6,727,300	6.7%	1,273	7.1	0.5
VCG	140,200	1.3%	150	57.9	0.7
DAE	103,000	19.6%	3,210	3.7	0.7
SDH	95,000	-16.1%	(1,276)	-	0.4
PVS	58,200	16.4%	2,738	5.9	1.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	126,018	41.6%	6,429	10.3	3.9
VNM	115,853	40.5%	7,699	18.1	6.8
VCB	64,192	9.9%	1,785	15.5	1.6
CTG	63,298	19.2%	2,613	6.5	1.2
MSN	60,290	3.9%	856	99.9	3.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,468	0.3%	41	385.7	1.2
SQC	8,602	5.8%	720	108.7	6.3
PVS	7,237	16.4%	2,738	5.9	1.0
SHB	6,025	-2.9%	(335)	-	0.6
OCH	4,800	6.5%	610	39.3	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TS4	2.85	7.9%	1,504	5.1	0.4
SGT	2.37	-41.0%	(2,320)	-	0.4
NKG	2.13	-20.2%	(2,085)	-	0.9
PET	1.97	15.1%	2,689	8.0	1.2
VHG	1.97	9.2%	1,381	7.7	0.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SHN	3.82	-123.3%	(3,000)	-	0.7
PVA	3.55	-108.8%	(6,781)	-	0.7
TTZ	3.53	1.3%	135	29.6	0.4
HDA	3.40	13.8%	1,780	4.8	0.7
SCL	3.19	1.0%	125	90.4	0.9



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)